TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:27/2018/DS-PT
Ngày 13 tháng 8 năm 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Đinh Huy Hiệp

Bà Tòng Thị Hiền

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La***: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13/8/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn la, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/TLPT - DS ngày 9 tháng 5 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện PY bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2018/QĐ - PT ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hương L – Địa chỉ: Khối x, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La. Có mặt

- *Bị đơn*: Chị ĐInh Thị Hương G, bà Nguyễn Thị K – Địa chỉ: Khối y, thị trấn PY, huyện PY, tỉnh Sơn La. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị H – Địa chỉ: Bản M2, xã Quang Huy, huyện PY, tỉnh Sơn La. Có mặt

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị

Hương L trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị H có mối quan hệ quen biết nhau từ trước, chị H đã giới thiệu chị Đinh Thị Hương G đến vay tiền của chị trong thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 5/2016, chị đã cho chị G vay số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) lãi suất do hai bên thỏa thuận, có lập giấy biên nhận vay tiền và có sự bảo lãnh và cam kết của chị H, cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Ngày 22/12/2015 chị L cho chị G vay số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), hạn trả cuối cùng vào ngày 22/12/2016 có bảo lãnh của chị H

Lần 2: Ngày 27/12/2015 chị L cho chị G vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), hạn trả cuối cùng vào ngày 27/12/2016, có bảo lãnh của chị H

Lần 3: Ngày 11/01/2016 chị L cho chị G và bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ của chị G) vay số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), hạn trả cuối cùng vào ngày 24/01/2016 có bảo lãnh của chị H

Lần 4: Ngày 02/5/2016 chị L cho chị G vay 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), hạn trả cuối cùng vào ngày 16/5/2016 không có sự bảo lãnh của chị H

Lần 5: Ngày 4/5/2016 chị L cho chị G vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), hạn trả cuối cùng vào ngày 17/5/2016, không có sự bảo lãnh của chị H;

Ngoài ra khoảng tháng 6/2016 chị G có đem 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) đến trả cho chị nhưng do chị H gọi điện thoại hỏi vay số tiền đó, chị nhất trí và nhờ chị G cầm hộ số tiền đó đến cho chị H vay, hai bên không lập giấy tờ và không thỏa thuận về lãi suất.

Về lãi suất vay giữa chị G với chị L thời gian đầu thỏa thuận 3%/tháng, được một thời gian sau thỏa thuận lại 5%/ngày. Do quá hạn trả nợ chị G không trả và không còn khả năng trả nợ, chị L khởi kiện yêu cầu chị H là người bảo lãnh có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền thay cho chị G là 1,5 tỷ đồng và yêu cầu chị H trả số tiền vay của chị 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Ngày 22/12/2017 chị L có đơn thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu chị G và bà K trả số tiền vay cho chị H bảo lãnh là 1,2 tỷ, trong đó chị G đứng tên vay một mình là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vay cùng với bà K và lãi suất chậm trả đến ngày giải quyết vụ án; yêu cầu bà K có trách nhiệm trả cho chị 300.000.000Đ (Ba trăm triệu đồng) cùng lãi suất chậm trả.

Bị đơn chị Đinh Thị Hương G trình bày:

Chị thừa nhận được vay của chị Lê Thị Hương L số tiền 1,2 tỷ đồng có bảo lãnh của chị H, lãi suất thỏa thuận, trong đó chị đứng tên vay một mình là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), vay cùng bà K 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Đối với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vay không có bảo lãnh của chị H đã được Tòa án nhân do chị H và chị L đã thỏa thuận với nhau để cho chị H vay lại số tiền đó, do dân huyện PY giải quyết ở vụ án trước giữa chị và chị L, còn số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) mà chị đem đến cho chị H là tiền của chị đi vay về để trả nợ cho chị L, nhưng chị L có việc phải đi Sơn La gấp nên đã nhờ chị đem số tiền đó đến cho chị H, chị nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay cho chị L là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) và lãi suất phát sinh, nhưng hiện nay chị đang gặp khó khăn về kinh tế, không còn có khả năng trả nợ, chị yêu cầu chị H trả số tiền trên cho chị L, chị sẽ có trách nhiệm trả số tiền đó cho chị H sau.

Bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Ngày 11/01/2016 bà cùng con gái là chị ĐInh Thị Hương G có vay tiền của chị Lê Thị Hương L 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng); lãi suất theo thỏa thuận, có sự bảo lãnh của chị H. Bà sẽ có trách nhiệm trả cho chị L phần của bà là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cùng lãi suất phát sinh, hiện nay bà không có khả năng tả nợ, bà yêu cầu chị H trả nợ cho chị L trước, bà sẽ trả đủ toàn bộ số tiền vay và lãi suất phát sinh cho chị H sau

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị thừa nhận được bảo lãnh cho chị G vay với chị L số tiền là 1,2 tỷ đồng, chị không phải là người vay và sử dụng tiền, do đó chị không có trách nhiệm trả số tiền đó cho chị L như chị L, chị G và bà K yêu cầu, còn số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vay ngày 02/5/2016 và ngày 04/5/2016 chị không được bảo lãnh, không biết việc vay mượn giữa chị G và chị L. Đối với số tiền 300.000.000đ mà chị G đem đến đưa cho chị là chị G trả nợ cho chị, không phải chị vay tiền của chị L như chị L và chị G trình bày.

* Tại bản án số 04/2017/DS – ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện PY đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 335, 336, 339, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Lê Thị Hương L, buộc Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán cho chị L tổng số tiền là 1.684.260.000đ (Một tỷ

sáu trăm tám mươi tư triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng); trong đó tiền gốc là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) lãi là 184.260.000đ (Một trăm tám mươi tư triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/8/2017 chị Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm

* Tại bản án số: 03/2017/DSPT ngày 15/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 04/2017/DSST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện PY. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện PY giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý, giải quyết lại vụ án: Tại bản án số: 03/2018/DS - ST ngày 30/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện PY xét xử sơ thẩm lần hai đã quyết định áp dụng Điều 471, 474, 476, 361, 362, 363, 366, 367, 369 của Bộ luật dân sự 2005; quyết định số 2868/NĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hương L. Buộc chị Đinh Thị Hương G và bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Hương L số tiền 1.385.867.000đ (Một tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), cụ thể như sau:

Chị Đinh Thị Hương G có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Hương L số tiền 1.027.059.000đ (Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng) trong đó số tiền vay là 900.000.0000đ (Chín trăm triệu đồng), tiền lãi suất là 127.059.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng);

Bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Hương L số tiền 358.808.000đ (Ba trăm năm mươi tám triệu tám trăm linh tám nghìn đồng), trong đó tiền vay là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), lãi suất là 58.808.000đ (Năm mươi tám triệu tám trăm linh tám nghìn đồng)

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lê Thị Hương L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Đinh Thị Hương G và bà Nguyễn Thị K không có khả năng trả nợ cho chị L thì chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh trả cho chị Lê Thị Hương L tổng số tiền là 1.385.867.000đ (Một tỷ ba trăm tám mươi năm triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

Chị ĐInh Thị Hương G và bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền 1.385.867.000đ (Một tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/4/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, do chị không được vay và sử dụng tiền nên không có trách nhiệm trả trả thay chị G và bà K, chị không nhận thức được khi ký vào phần bảo lãnh và không được chứng kiến việc vay tiền giữa chị G, bà K và chị L

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: không nhất trí với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án đúng quy định của pháp luật và đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất và án phí

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Chị Lê Thị Hương L đã cho chị Đinh Thị Hương G vay tài sản (tiền) là hoàn toàn có cơ sở, được thể hiện bằng giấy vay tiền lập ngày 22/12/2015, số tiền vay là 400.000.000đ; giấy vay tiền lập ngày 27/12/2015, số tiền vay là 200.000.000đ; giấy vay tiền lập ngày 11/01/2016, số tiền vay là 600.000.000đ do chị Đinh Thị Hương G và bà Nguyễn Thị K cùng đứng tên để vay tiền. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc chị G và bà K phải có nghĩa vụ trả khoản tiền nợ gốc theo phần lần lượt là 900.000.000đ và 300.000.000đ đã vay là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét hợp đồng vay tài sản có sự bảo lãnh của chị Nguyễn Thị H. Chị H thừa nhận có được ký và đứng ra bảo lãnh cho chị G và bà K vay số tiền 1.200.000.000đ trong ba giấy vay nợ lập ngày 22/12/2015, ngày 27/12/2015,

ngày 11/01/2016. Việc bảo lãnh được ghi cùng trong các giấy vay nợ cụ thể giấy vay nợ lập ngày 22/12/2015 có nội dung: *"Trong trường hợp em Giang không thanh toán được số tiền trên cho em L thì tôi sẽ thanh toán đủ."* Giấy vay nợ lập ngày 27/12/2015, ngày 11/01/2016 chị H xác nhận có được viết và ký tên dưới vai trò người bảo lãnh. Việc chị H đứng ra bảo lãnh để cho chị G, bà K vay tiền đảm bảo đủ các điều kiện có hiệu lực pháp luật. Tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm, chị H không xuất trình được căn cứ khác chứng minh cho việc không liên quan đến việc vay nợ giữa chị G, bà K và chị L nên cần buộc chị H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Điều 361 Bộ luật dân sự 2005; khoản 3 Điều 41 Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[3] Về tính lãi suất: Trong nội dung hợp đồng vay giữa các đương sự không có thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất. Chi G khai thời gian đầu thỏa thuận 3%/tháng, được một thời gian sau thỏa thuận lại 5%/ngày. Trong đơn đề nghị ngày 22/12/2017; bản tự khai ngày 22/12/2017 của chị Lê Thị Hương L cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đều yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/5/2016 là thời điểm chị G, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả lãi đến ngày xét xử cần được chấp nhận. Xét thấy các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất nên căn cứ theo quyết định số 2868/QĐ – NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm = 0,75%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng quy định của nhà nước về tính lãi suất tuy nhiên thời điểm tính lãi không chính xác nên cần được tính lại cụ thể như sau.

Từ ngày 01/5/2016 đến ngày 30/3/2018 là 01 năm 10 tháng 29 ngày (22 tháng 29 ngày)

Đối với số nợ của chị G: 900.000.000đ x 22 tháng 29 ngày x 0,75% = 155.025.000đ (Một trăm năm mươi năm triệu không trăm hai mươi năm nghìn đồng)

Đối với số nợ của bà K: 300.000.000đ x 22 tháng 29 ngày x 0,75% = 51.675.000đ (Năm mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng)

Từ những phân tích trên không chấp nhận đơn kháng cáo của chị H. Sửa án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện PY về lãi suất và án phí.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do bản án bị sửa

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, 474, 476, 361, 362, 363, 366, 367, 369 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 3 Điều 41 Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; quyết định số 2868/NĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 03/2018/DS - ST ngày 30/3/2018 của Toà án nhân dân huyện PY, tỉnh Sơn La như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hương L. Buộc chị ĐInh Thị Hương G và bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Hương L cụ thể như sau:

Chị Đinh Thị Hương G có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Hương L số tiền 1.055.025.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) trong đó số tiền vay là 900.000.0000đ (Chín trăm triệu đồng), tiền lãi suất là 155.025.000đ (Một trăm năm mươi năm triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

Bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Hương L số tiền 351.675.000đ (Ba trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng), trong đó tiền vay là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), lãi suất là 51.675.000đ (Năm mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng)

Thời điểm chị Lê Thị Hương L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị ĐInh Thị Hương G và bà Nguyễn Thị K không có khả năng trả nợ cho chị L thì chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh trả cho chị Lê Thị Hương L tổng số tiền là 1.406.700.000 (Một tỷ bốn trăm linh sáu triệu bảy trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị Hương G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.650.000đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.583.000đ (Mười bảy triệu năm trăm

tám mươi ba nghìn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PY.

Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền 300.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000130 ngày 10/4/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PY.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí đối với chị Lê Thị Hương L không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 13/8/2018).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện PY;
- Chi cục THADS huyện PY;
- Các đương sự;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Trung Thành